

Số: 169/2021/QĐST-HNGĐ

Trà Ôn, ngày 04 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Hải Đ**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Minh C**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020).

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Hải Đ được hưởng thừa đất 109, tờ bản đồ số 22, diện tích 138m², loại đất trồng cây lâu năm và sở hữu toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc gắn liền trên phần đất (trong đó: thửa đất có 69,4m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ Quốc lộ 54) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 818305 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 05/01/2016).

Chị Nguyễn Thị Ngọc N được hưởng thừa đất ở 108, tờ bản đồ số 22, diện tích 178,8m², loại đất trồng cây lâu năm và sở hữu toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc gắn liền trên phần đất (trong đó: thừa đất có 83,6m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ Quốc lộ 54) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 421128 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 28/9/2016).

Các phần đất trên cùng tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền san lấp mặt bằng, làm hàng rào số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Công nhận cho anh Nguyễn Hải Đ trọn quyền sử dụng các thửa 133 diện tích 1.533,7 m², loại đất ONT-CLN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 866815 do Ủy ban nhân dân huyện Ô cấp ngày 28/03/2014 và thửa 117 diện tích 2.064,6 m², loại đất CLN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 866814 do Ủy ban nhân dân huyện Ô cấp ngày 28/03/2014, anh Đ được sở hữu căn nhà cấp 4, vật kiến trúc khác và cây trồng trên các thửa đất. Các thửa đất tọa lạc tại ấp V, xã X, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về chi phí khảo sát, đo đạc: Tổng cộng 900.000đ (chín trăm ngàn đồng), anh Nguyễn Hải Đ có nghĩa vụ nộp 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) và chị Nguyễn Thị Ngọc N nộp 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng), số tiền anh Đ đã nộp tạm ứng khấu trừ đủ nên chị N có nghĩa vụ trả lại cho anh Đ 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc N chịu án phí chia tài sản 4.470.000đ.

Anh Nguyễn Hải Đ chịu án phí chia tài sản 3.450.000đ, phần tiền trả chị N 1.000.000đ và 300.000đ án phí công nhận cho anh Đ được hưởng phần đất ở các thửa 113 và 117. Tổng án phí anh Đ phải chịu 4.750.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Đ đã nộp 4.048.000đ (*bốn triệu không trăm bốn mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0016719 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 702.000đ (bảy trăm lẻ hai ngàn đồng) buộc anh Đ nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Điều